

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Quản lý giáo dục
(Định hướng Nghiên cứu)

Trình độ: Thạc sĩ

Mã số: 8140114

Thanh Hóa, năm 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Quản lý giáo dục; Trình độ Thạc sĩ

(Ban hành theo Quyết định số 1870 /QĐ-ĐHHD, ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình: Thạc sĩ quản lý giáo dục (Định hướng nghiên cứu)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý giáo dục

Mã ngành: 8.14.01.14

Định hướng: Nghiên cứu

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu về chương trình

Chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Quản lý giáo dục (QLGD) được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2016 theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo Thạc sĩ QLGD có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực giáo dục. Sau 2 lần điều chỉnh vào năm 2019, 2020 nhằm thích ứng với nhu cầu và những thay đổi của yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu quản lý giáo dục. Hiện nay, sau nhiều khóa đào tạo, Chương trình đã đáp ứng được nhu cầu của người học và được xã hội đánh giá cao về chất lượng. Chương trình đào tạo QLGD được xây dựng dựa trên yêu cầu của thực tiễn giáo dục và xu thế phát triển của xã hội cũng như sự kế thừa, vận dụng chương trình đào tạo QLGD của các trường đại học lớn trong nước như Đại học giáo dục, Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học KHXH&NV Thành phố Hồ Chí Minh, ĐHSP - Đại học Thái Nguyên.

Chương trình đào tạo năm 2021 tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về khối lượng học tập, cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ và Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về Quy chế đào tạo Thạc sĩ trên cơ sở phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu công việc trong điều kiện đổi mới giáo dục trong nước và thế giới. Chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh 2021 có nhiều cải tiến về nội dung hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá và đặc biệt là đào tạo theo hướng nghiên cứu, bổ sung thêm chuyên đề nghiên cứu mới, tăng thời lượng lý thuyết để nghiên cứu chuyên sâu lý luận của khoa học QLGD. Tháng 6 năm 2021 CTĐT Thạc sĩ QLGD đã chỉnh sửa theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Đến nay CTĐT thạc sĩ

QLGD đã cơ bản đáp ứng được các mục tiêu và kỳ vọng của người học, đã được công nhận đạt chuẩn chương trình đào tạo cho Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Quốc gia công nhận vào tháng 6/2022.

Chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ QLGD gồm 60 tín chỉ phân bổ cho 15 học phần và 04 chuyên đề nghiên cứu, 1 luận văn tốt nghiệp. Trong đó có 7 học phần bắt buộc (23 tín chỉ) và 3 học phần tự chọn (10 tín chỉ), 2 chuyên đề nghiên cứu bắt buộc (6 tín chỉ) được phân bổ trong 4 học kỳ. Kỳ 1: gồm 04 học phần (14 tín chỉ); kỳ 2: gồm 05 học phần (15 tín chỉ); kỳ 3: gồm 01 học phần (4 tín chỉ) và 4 chuyên đề nghiên cứu (12 tín chỉ) và kỳ 4 là luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ).

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 01 học phần (04 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 01 học phần (03 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 05 học phần (16 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Chuyên đề nghiên cứu (12 tín chỉ)
- Luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ).

Để đảm bảo mục tiêu và chất lượng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ngành Thạc sĩ QLGD đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cơ sở vật chất, hệ thống tài liệu giáo trình, hệ thống kết nối các cơ sở giáo dục. Cụ thể, hiện nay ngành Thạc sĩ QLGD đang có 4 phó giáo sư, 9 tiến sĩ, 1NCS đang được đào tạo tại Hungari và 8 thạc sĩ ngành Giáo dục học, QLGD có kinh nghiệm giảng dạy trung bình từ 15 đến 30 năm, có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước như Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học sư phạm Thái Nguyên ... Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, âm thanh, ánh sáng và quạt điện; Hệ thống phòng thực hành và trung tâm thư viện hiện đại được đưa vào ứng dụng giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo sát với thực tiễn yêu cầu vị trí việc làm, phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Thạc sĩ Quản lý giáo dục
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Master of Educational management
Trình độ đào tạo:	<i>Thạc sĩ</i>
Mã chuyên ngành đào tạo:	8140114

Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Giáo dục học, Khoa Tâm lý Giáo dục
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	60
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (60 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Quản lý giáo dục
Vị trí làm việc:	<p>Thạc sĩ Quản lý giáo dục tốt nghiệp tại trường Đại học Hồng Đức có thể đảm nhận các công việc như sau:</p> <p>a) Quản lý giáo dục ở các vị trí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý lãnh đạo và chuyên viên ở các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục,...; - Cán bộ quản lý nhà trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ nhiệm khoa, Phó chủ nhiệm khoa, Tổ trưởng, Phó tổ trưởng chuyên môn và những vị trí tương đương); - Cán bộ quản lý lãnh đạo và chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống vĩ mô ngành Giáo dục và Đào tạo. <p>b) Cán bộ nghiên cứu và điều hành nghiên cứu về Khoa học giáo dục và quản lý giáo dục ở các Viện nghiên cứu, tổ chức chuyên về hoạt động liên quan đến giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác quản lý giáo dục trong các tổ chức xã hội khác có thực hiện chức năng giáo dục và đào tạo. <p>c) Giảng dạy, nghiên cứu về khoa học quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục và Viện nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý...</p>

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Tiên sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học Giáo dục http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewpage/129 2. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học sư phạm, ĐH Thái Nguyên https://tnue.edu.vn/Article/ViewDetail.aspx?pageid=1591&mid=4721&itemid=3587 3. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học xã hội nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh https://123docz.net/document/8443037-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-quan-ly-giao-duc.htm 4. Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=359%3Athac-si-quan-ly-giao-duc&catid=188%3Aao-to-thc-s&Itemid=9011&lang=fr&site=34 5. Trường cao đẳng sư phạm châu Á -Thái Lan https://www.educationmanagementdiploma.com/Master-of-Arts-in-Education-with-Leadership-and-Administration.php 6. Đại học Quốc Gia Tây Ban Nha International University of La Rioja, Tây Ban Nha https://www.onlinestudies.com/Masters-Degree-in-Leadership-and-Management-of-Educational-Centers/Spain/UNIR/ 7. Trường Đào tạo sau đại học _ Harvard - Thạc sĩ lãnh đạo giáo dục https://www.gse.harvard.edu/masters/online-program 8. Đại học Manchester _Thạc sĩ Lãnh đạo giáo dục trong thực hành-Vương Quốc Anh https://promo.manchester.edu.hk/programmes-detail.php?id=6#pd-25

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực QLGD, có năng lực nghiên cứu chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong quản lý giáo dục và quản trị giáo dục, có năng lực phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các khoa học ứng dụng và công nghệ; có năng lực quản lý, quản trị giáo dục; năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề về thực tiễn giáo dục, thực tiễn quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ chuyển đổi số.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Hiểu biết sâu rộng về khoa học Mác Lê nin, tư tưởng Hồ chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, Tâm lý học, lý luận về quản lý giáo dục và quản trị giáo dục.

PO2: Hiểu biết sâu rộng kiến thức hiện đại về quản trị nhân sự; quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong giáo dục; quản trị nhà trường; dự báo giáo dục, quản lý xây dựng văn hóa nhà trường và quản lý sự thay đổi của cơ sở giáo dục, phát triển chương trình giáo dục nhà trường, có kiến thức thực tế và sâu rộng về kiểm tra, đánh giá và Kiểm định chất lượng giáo dục;

PO3: Có kỹ năng quản trị trong giáo dục; quản lý giáo dục kỹ năng sống cho người học; Vận dụng được lý luận về quản lý giáo dục trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và xử lý các tình huống trong công tác quản lý.

PO4: Có kỹ năng truyền đạt tri thức, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; Kỹ năng phân tích, đánh giá về các hoạt động giáo dục, các hoạt động quản lý và giải quyết các tình huống trong các cơ sở giáo dục.

PO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ, tin học trong giảng dạy, quản trị nhà trường và nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

PO6: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quá trình học tập, rèn luyện, thực hiện các nhiệm vụ trong các cơ sở giáo dục và quản trị nhà trường, nghiên cứu khoa học.

4. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

4.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác – Lênin để xây

dựng một thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, kiến thức Tâm lý học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục;

PLO2: Kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, hiện đại và tiên tiến về khoa học quản lý giáo dục và kiến thức liên ngành có liên quan; nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong quản lý giáo dục, quản trị cơ sở giáo dục; phương pháp nghiên cứu trong quản lý giáo dục; kiến thức thực tế và chuyên sâu về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường, về thanh tra, kiểm tra trong giáo dục; Kinh tế học giáo dục; dự báo giáo dục, phát triển chương trình giáo dục, quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ trong nhà trường.

PLO3: Phân tích, đánh giá thực tiễn và xu hướng giáo dục; nghiên cứu và dự báo giáo dục, xây dựng chính sách và chiến lược phát triển giáo dục; các nghiên cứu về tiếp cận hiện đại và quản lý sự thay đổi trong giáo dục

4.2. Kỹ năng

PLO4: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong quản trị giáo dục để đưa ra các giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học, sáng tạo và hiệu quả; Kỹ năng truyền đạt trí thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những cán bộ QLGD và những người có liên quan.

PLO5: Kỹ năng quản trị nhà trường, kỹ năng lập kế hoạch quản trị và quản lý trong cơ sở giáo dục; quản lý xây dựng văn hóa nhà trường, kỹ năng quản lý sự thay đổi trường học và lôi cuốn đồng nghiệp tham gia; kỹ năng thanh tra, đánh giá trong giáo dục nhà trường, tư vấn hướng đồng nghiệp cùng thực hiện; kỹ năng quản trị trong cơ sở giáo dục; kỹ năng quản lý giáo dục kỹ năng sống cho người học; kỹ năng dự báo giáo dục, kỹ năng phát triển chương trình giáo dục, quản trị cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ trong nhà trường; Vận dụng được lý luận về quản lý giáo dục trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và xử lý các tình huống trong công tác quản lý.

PLO6: Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ linh hoạt, sáng tạo trong học thuật và quản trị cơ sở giáo dục; có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO7: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng trong quản lý, quản trị cơ sở giáo dục; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; Đưa ra những kết luận có tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị, quản lý giáo dục; Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị và quản lý giáo dục.

PLO8: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong quản lý, quản trị trong cơ sở giáo dục và quản lý hoạt động KHGD; tích cực trong tiếp nhận và tạo ra sự thay đổi

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ khoản 3, Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, Điều 5 của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Ban hành theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022), chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ QLGD xác định:

- Người dự tuyển phải tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc tốt nghiệp đại học chính quy ngành phù hợp/ gần với ngành QLGD và đã bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành QLGD .
- Bằng tốt nghiệp phải đạt hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực QLGD.
- Người dự tuyển phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp và danh mục các học phần bổ sung kiến thức.

STT	Chuyên ngành thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp	Môn học bổ sung kiến thức	Số TC
1	QLGD	Nhóm ngành 1: Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Tâm lý - Giáo dục. Tâm lý học	Không học bổ sung kiến thức	
2		Nhóm ngành 2: Đào tạo giáo viên	1) Nhập môn khoa học quản lý giáo dục	2
			2) Xã hội học giáo dục	2
		3) Quản lý văn bản trong lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo	2	
3		Nhóm ngành 3: Tốt nghiệp đại học các ngành khác.	1) Tâm lý học	2
			2) Giáo dục học	2
			3) Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2
			4) Nhập môn khoa học quản lý giáo dục	2
			5) Xã hội học giáo dục	2
			6) Quản lý văn bản trong lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo	2

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT					
	Kiến thức		Kỹ năng		Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	✓					
PLO2	✓	✓	✓			
PLO3		✓	✓	✓		
PLO4			✓	✓	✓	
PLO5		✓	✓	✓		
PLO6				✓	✓	✓
PLO7			✓	✓	✓	✓
PLO8		✓				✓

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học:

- + Nhóm PP dạy-học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận,);
- + Nhóm PP dạy-học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)
- + Nhóm PP dạy-học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Nhóm PP dạy-học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy-học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, đề án,...)

Ma trận tích hợp CDR của CTĐT và phương pháp dạy-học

PP dạy học	Chuẩn đầu ra CTĐT							
	Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Thuyết trình	✓	✓	✓				✓	✓
Vấn đáp	✓	✓	✓				✓	✓
Nêu và GQVĐ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tình huống	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thực hành				✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận	✓	✓	✓				✓	✓
Dự án	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Trực tuyến	✓	✓	✓				✓	✓

7.2. Các phương thức kiểm tra đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của học viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi vấn đáp, nêu tình huống và giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm.

- Đánh giá chuyên cần (20%): Đánh giá số buổi đi học, ý thức, tinh thần, thái độ, sáng tạo, chủ động của học viên trong học tập

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua tiểu luận.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 16 TC	Bắt buộc	10
		Tự chọn	06
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 10 TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	04
4	Chuyên đề nghiên cứu 12 TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	06
5	Luận văn tốt nghiệp 15 TC	Bắt buộc	15
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	8THXH1	Triết học, 4TC	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản	<i>Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc</i> Bộ giáo dục và đào tạo (2016), <i>Giáo trình Triết học</i> (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội

			<p>chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.</p>	<p>và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i> Nguyễn Hữu Vui (1997) <i>Lịch sử triết học</i>, Nxb CTQG, Hà Nội .</p>
--	--	--	---	---

2	8TA001	Tiếng Anh, 3TC	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p><i>Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc</i> Jan Bell and Amanda Thomas (2005). <i>Gold First</i>, Pearsons (Kí hiệu HLBB1)</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i> 1. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006). <i>Destination B2: Grammar and Vocabulary</i>, Macmillan Education 2. Nguyễn Thị Quyết (2019). <i>Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A</i>. NXB Thanh Hóa 3. Nguyễn Thị Quyết (2019). <i>Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ B</i>. NXB Thanh Hóa</p>
3	1TL101	Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục, 4TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục gồm 5 chương. Chương 1: Tâm lý người lãnh đạo trong nhà trường; Chương 2: Một số vấn đề tâm lý người lao động và tổ chức; Chương 3: Tạo động lực làm việc cho giáo viên trong quản lý giáo dục; Chương 4: Quản lý nhân sự trong quản lý giáo dục; Chương 5: Xây dựng</p>	<p><i>Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc</i> 1. Vũ Dũng (2017), <i>Giáo trình Tâm lý học quản lý</i>, NXB Đại học Sư Phạm</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i> 1. Trần Quốc Thành, Dương Hải Hưng (2015), <i>Quản lý nhân sự trong giáo dục</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p>

			<p>môi trường tâm lý- xã hội trong nhà trường.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Học xong học phần này học viên phân tích được các đặc điểm tâm lý người lãnh đạo trong nhà trường, tâm lý của người lao động và của tổ chức; Phân tích được các phương pháp tạo động lực làm việc cho giáo viên trong quản lý giáo dục; Phân tích được tầm quan trọng của công tác quản lý nhân sự trong nhà trường, các nội dung quản lý nhân sự trong nhà trường; các; Xác định được các biện pháp xây dựng môi trường tâm lý - xã hội an toàn, lành mạnh trong nhà trường.</p>	<p>2. Phạm Văn Tư (Chủ biên), (2014), <i>Tâm lý học xã hội</i>, NXB Đại học Sư phạm</p>
4	1GD104	Khoa học tổ chức và quản lý, 3TC	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần gồm 5 chương, Chương 1; 2 khái quát giáo dục Việt Nam giai đoạn 1980 đến 2000 gồm cuộc nội dung cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3; Đổi mới tư duy giáo dục; tổng quát về tình hình giáo dục Việt Nam trong những năm 80 của thế kỷ XX; Quan điểm về đào tạo giáo viên và yêu cầu chương trình giáo dục. Chương 3, khái quát giáo dục Việt Nam giai đoạn</p>	<p><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</i></p> <p>1. Trần Kiểm (2012), <i>Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục</i> NXB ĐHSP, Hà Nội 2012</p> <p>2. <i>Khoa học tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1999.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), <i>Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i></p>

			<p>2001 đến nay, gồm bối cảnh quốc tế và trong nước; thời cơ và thách thức đối với Việt Nam khi hội nhập quốc tế; quan điểm, chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo. Chương 4 khái quát các mô hình phát triển giáo dục và mô hình quản lý nhà nước về giáo dục qua các thời kỳ. Chương 5, đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế</p> <p><i>Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được:</i> sau khi kết thúc học phần học viên có khả năng xác định bối cảnh, thời cơ, thách thức hiện có trong việc xây dựng mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển của đơn vị. Có khả năng tổ chức thực hiện hoá quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà Nước về Giáo dục – Đào tạo vào các hoạt động giáo dục trong đơn vị.</p>	<p>về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới, NXB Văn hoá – Thông tin.</p> <p>4. PGS. TS. Nguyễn Bá Dương - TS. Phạm Hồng Quý (Đồng chủ biên) (2018), <i>Giáo trình khoa học tổ chức và quản lý</i>, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.</p>
5	1GD105	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, 3TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> : Học phần bao gồm 4 chương: Chương 1: Những vấn đề chung về Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục và đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Chương 2: Phương pháp</p>	<p><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</i></p> <p>1. Phạm Viết Vượng (2001), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p>

			<p> nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Chương 3: Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; Chương 4: Kỹ thuật viết và đánh giá công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Xác định vấn đề nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu...có khả năng lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với vấn đề đã chọn; Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp quản lý mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.</p>	<p>1. Nguyễn Thị Hiền (chủ biên), Phạm Ngọc Long, Ngô Thị Trang (2020), <i>Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.</p>
6	1GD210	Thực tế chuyên môn	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Chương 1: Hướng dẫn tìm hiểu thực tế; Chương 2: Tìm hiểu cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục; Chương 3: Tìm hiểu nội dung quản lý hoạt động dạy học và giáo dục ở cơ sở giáo dục; Chương 4: Tìm hiểu nội dung quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và giáo dục. Chương 5: Tìm hiểu xây dựng văn hóa ở các cơ sở giáo dục; Chương 6: tìm hiểu phát triển nguồn lực trong các cơ sở giáo dục.</p>	<p><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</i></p> <p>1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), <i>Quản lý và lãnh đạo nhà trường</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Trần Kiểm (2015), <i>Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục</i>, NXB Đại học sư phạm</p>

7	1GD212	Tình huống trong Quản lý giáo dục	<p>Nội dung học phần: Học phần gồm Chương 1: Những vấn đề chung về tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục; Chương 2: Phương pháp ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục; Chương 3 : Thực hành xây dựng và ứng xử các tình huống trong quản lý giáo dục</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Lưu Xuân Mới (2008), Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục đào tạo, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Đình Chính, <i>Bài tập tình huống QLGD</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.</p> <p>2. Phan Thế Sung, Lưu Xuân Mới, <i>Tình huống và cách ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.</p>
8	1GD206	Quản trị và phát triển công tác xã hội hóa giáo dục (3 TC)	<p>Nội dung học phần: Học phần bao gồm Chương 1. Những vấn đề chung về xã hội hóa giáo dục; Chương 2. Quản trị hoạt động xã hội hóa giáo dục trong nhà trường; Chương 3. Các yếu tố cơ bản trong thúc đẩy sự phát triển công tác xã hội hóa giáo dục.</p> <p>Năng lực đạt được: Học xong học phần này học viên có khả năng đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong hoạt động xã hội hóa giáo dục, những rào cản đối với hoạt động xã hội hóa giáo dục ở</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Phạm Thị Thu Hương (2017), <i>Xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Anh Tài (2017), <i>Quản trị học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), <i>Quản lý và lãnh đạo</i></p>

			<p>các cơ sở giáo dục hiện nay; xây dựng được quy trình quản trị hoạt động xã hội hóa giáo dục phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục; xác định và lựa chọn các yếu tố thúc đẩy sự phát triển công tác xã hội hóa giáo dục tại cơ sở giáo dục.</p>	<p><i>nhà trường</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội</p>
9	1GD101	Dự báo giáo dục, 3TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm 3 chương, chương 1: Những vấn đề cơ bản về dự báo, chương 2: Dự báo giáo dục; chương 3: Phương pháp dự báo giáo dục</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Học xong học phần này học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá được các vấn đề có liên quan đến dự báo và dự báo giáo dục; Biết cách lựa chọn các phương pháp để tiến hành dự báo giáo dục (dự báo qui mô GV, qui mô HS,...)</p>	<p><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</i></p> <p>1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), <i>Quản lí và lãnh đạo nhà trường</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Trần Kiểm (2015), <i>Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục</i>, NXB Đại học sư phạm</p>
10	1GD103	Kinh tế học giáo dục, 3TC	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm 5 chương, Chương 1. Tổng quan về kinh tế giáo dục; Chương 2. Lợi ích của giáo dục; Chương 3. Đầu tư cho giáo dục; Chương 4. Hiệu quả giáo dục; Chương 5. Toàn cầu hoá giáo dục - <i>Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được</i>: sau khi kết thúc học</p>	<p><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</i></p> <p>1. Bùi Chí Bình (2014,) <i>Kinh tế học giáo dục cách tiếp cận và các vấn đề phức tạp</i>, NXB ĐH KHXH&NVTPHCM.</p> <p>2. Phí Mạnh Hồng (2013)<i>Kinh tế vi mô</i>,</p>

			<p>phần học viên có khả năng vận dụng được những kiến thức về kinh tế học giáo dục vào tư vấn và đầu tư phát triển giáo dục cơ sở mình phụ trách và nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục. Người học có khả năng làm việc hợp tác nhóm, tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.</p>	<p>NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>3. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2012) <i>Giáo trình Kinh tế chính trị</i>, NXB Đại học Kinh Tế Quốc dân.</p> <p>4. Nguyễn Cúc (2011), <i>Tập bài giảng Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Chính trị- Hành chính.</p> <p>5. Đỗ Quang Vinh, Vũ Thanh Sơn (2011) <i>Kinh tế học chính trị Mác-Lê Nin</i>, NXB thông Tin và truyền thông.</p>
11	1QG208	Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục, 3TC	<p><i>Nội dung học phân:</i></p> <p>Học phần gồm 5 chương, Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về chính sách và kế hoạch phát triển GD; Chương 2: Quá trình chính sách; Chương 3. Phân tích chính sách; Chương 4. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục; Chương 5. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục</p> <p><i>Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được:</i> sau khi kết thúc học phần học viên có khả năng lựa chọn vấn đề để xây dựng được</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Lê Chi Mai (2000), Chính sách và quá trình chính sách, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.</p> <p>2. Nguyễn Lộc (2010) <i>Cơ sở lý luận xây dựng chiến lược trong giáo dục</i>. Nxb GD, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>3. Trần Khánh Đức (2010) <i>Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>

			<p>chính sách, triển khai chính sách cũng như đánh giá được tác động của chính sách; Vận dụng các chỉ số tiếp cận, chất lượng, hiệu quả giáo dục và kỹ thuật định lượng trong phân tích xu hướng phát triển giáo dục. Có khả năng xây dựng chiến lược để xây dựng chiến lược phát triển giáo dục ở địa phương/trường học cho một giai đoạn 5 hoặc 10 năm.</p>	<p>4. Phạm Thành Dung, Hoàng Phúc Lâm (2011) <i>Những vấn đề quan hệ Quốc tế và đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà Nước Việt Nam</i>, NXB Chính Trị - Hành chính.</p> <p>5. Đặng Tự Ân, <i>Mô hình trường học mới Việt Nam nhìn từ góc độ thực tiễn và lý luận</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p>
12	1GD201	<p>Tiếp cận hiện đại và quản lý sự thay đổi trong giáo dục, 3 TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần này bao gồm Chương 1. Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục; Chương 2. Quản lý sự thay đổi trong giáo dục</p> <p>- Năng lực đạt được: Học viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục và trong nghiên cứu lý luận giáo dục, có khả năng áp dụng các mô hình tiếp cận khác nhau vào công tác quản lý giáo dục tại đơn vị; phát triển được kỹ năng nhận biết, phát hiện vấn đề, xác định và lựa chọn công việc và quy trình để lãnh đạo, quản lý sự thay đổi nhà</p>	<p>- Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. R. Heller (2006), <i>Quản lý sự thay đổi</i>. Nxb Tổng hợp TP. HCM.</p> <p>2. Trần Kiểm (2016), <i>Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), <i>Quản lí và lãnh đạo nhà trường</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.</p> <p>2. J. Kotter (2006), <i>Dẫn dắt sự thay đổi</i>, Nxb Tổng hợp TP.HCM</p>

			trường trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập.	
13	1GD202	Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường, 3 TC	<p>Nội dung học phần: Học phần bao gồm: Chương 1. Những vấn đề chung về quản lý xây dựng văn hoá nhà trường; Chương 2. Vận dụng xây dựng văn hoá trong nhà trường; Chương 3. Một số vấn đề đặt ra trong quản lý xây dựng văn hoá trường học hiện nay; Chương 4. Cán bộ quản lý nhà trường với việc đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hoá trong trường học</p> <p>- Năng lực đạt được: Học viên phân tích được những vấn đề về văn hoá nhà trường, những giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo để phát triển văn hoá nhà trường, tầm quan trọng của việc xây dựng văn hoá nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, quản lý trong việc xây dựng văn hoá nhà trường; Có kỹ năng phân tích, đánh giá phát triển văn hoá nhà trường ở các nhà trường, ứng dụng lý thuyết về quản lý xây dựng văn hoá nhà trường vận dụng vào các nhà trường mình phụ trách; Chủ động, tích cực, quan tâm</p>	<p>Giáo trình/tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Lê Thị Ngọc Thuý (2018), <i>Xây dựng văn hoá nhà trường phổ thông</i>, NXB ĐHQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bùi Minh Hiền- Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên) (2019), <i>Quản lý và lãnh đạo nhà trường</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), <i>Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>

			đến xây dựng văn hóa nhà trường.	
14	1GD214	Thanh tra, kiểm tra trong giáo dục, 4TC	<p>Nội dung học phần: Học phần bao gồm chương I: Công tác thanh tra trong cơ quan giáo dục; Chương 2: Kiểm tra trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường</p> <p>Năng lực đạt được: Hình thành kỹ năng tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan, đơn vị công tác; có khả năng thực hiện qui trình tự đánh giá cơ sở giáo dục, thu thập các minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá; Có năng lực nâng cao chất lượng giáo dục, quản lý chất lượng giáo dục để chuẩn bị cho công tác đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục tại cơ sở.</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Trần Khánh Đức (2009), <i>Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21</i>, NXB giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Nguyễn Xuân Thanh (2019), <i>Kiểm tra và thanh tra giáo dục</i>, NXB Đại học sư phạm</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Phạm Ngọc Long (2021), <i>Quản lý chất lượng giáo dục</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân</p>
15	1GD203	Quản trị cơ sở vật chất và thiết bị và công nghệ trong nhà trường, 4TC	<p>Nội dung học phần: Học phần giới thiệu về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; vai trò, chức năng của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; nội dung và qui trình quản trị về cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường; yêu cầu đối với hiệu trưởng trong . quản trị về cơ sở vật</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Trần Quốc Đắc (chủ biên), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở trường phổ thông Việt Nam, Nxb ĐHQG Hà</p>

			<p>chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường</p> <p>Năng lực đạt được: Hình thành năng lực quản trị cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ trong nhà trường;</p>	<p>Nội, Viện khoa học giáo dục, 2002</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn, <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực</i>, Nxb Giáo dục, 2008.</p>
16	1GDC10	Quản trị nhà trường 3TC	<p>- Nội dung chuyên đề: chuyên đề gồm 6 chương: Chương 1: Quản trị hoạt động dạy học; Chương 2. Quản trị hoạt động giáo dục; Chương 3: Quản trị nhân sự nhà trường; Chương 4: Quản trị chất lượng giáo dục trong nhà trường; Chương 5: Quản trị các điều kiện, phương tiện và môi trường hỗ trợ hoạt động dạy học và giáo dục; Chương 6: Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường</p> <p>- Năng lực cần đạt được: Xây dựng được kế hoạch giáo dục và dạy học, có khả năng triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục, dạy học ở cơ sở giáo dục lựa chọn nghiên cứu hiệu quả; Hướng dẫn được cho tổ/nhóm chuyên môn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học môn học/hoạt động giáo dục; triển khai các</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Trần Kiêm, (2016), <i>Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả</i>, Nxb Đại học Sư phạm .</p> <p>2. Lâm Quang Thiệp (2011), <i>Đo lường trong giáo dục lý thuyết và ứng dụng</i>, NXB ĐH Quốc Gia HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>3. Đặng Tự Ân, <i>Mô hình trường học mới Việt Nam nhì từ góc độ thực tiễn và lý luận</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>4. Trần Kiêm (2015), <i>Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục</i> Nxb Đại học Sư phạm .</p> <p>5. Hà Thế Ngữ (2001), <i>Giáo dục học một số vấn đề về lý luận và</i></p>

			<p>hình thức, phương pháp dạy học, giáo dục đa dạng; kiểm tra đánh giá kết quả dạy học, hoạt động giáo dục phù hợp cấp, bậc học lựa chọn nghiên cứu; Hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ, tạo động lực được cho tổ/ nhóm chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn bám sát yêu cầu thực hiện kế hoạch giáo dục và dạy học đã xây dựng.</p>	<p><i>thực tiễn</i> , NXB ĐH Quốc Gia HN.</p>
17	1GDC07	<p>Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường, 3TC</p>	<p><i>Nội dung chuyên đề</i> Chuyên đề bao gồm những vấn đề chung về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các nhà trường; vai trò của Hiệu trưởng và các thành viên trong việc xây dựng và thực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; Các nguy cơ tiềm ẩn về tình trạng mất an toàn và bạo lực học đường; Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử và an toàn học đường trong nhà trường/ Xây dựng kế hoạch tự học và hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng trường học an toàn và phòng chống bạo lực học đường.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được-</i> Xây dựng và lập kế hoạch thực hiện quy tắc ứng</p>	<p><i>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</i> [1]. Phạm Hồng Quang (chủ biên) (2006), <i>Môi trường giáo dục</i>, NXB GD 2012</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i> [1]. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2017), <i>Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho HS THCS</i>, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh</p>

			xử và an toàn học đường; Xây dựng được kế hoạch tự học và hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.	
18	1GDC03	Quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục, 3TC	<p>- Nội dung chuyên đề: Khái quát những kiến thức cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; Học viên có khả năng quản trị, chủ trì các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục; Tham gia đánh giá, xét duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học viên xác định được tầm quan trọng của quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục, xây dựng kế hoạch NCKH trong các cơ sở giáo dục; Tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá các hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục; Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.</p>	<p>Giáo trình/tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Trần Kiểm (2021), <i>Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục</i>, NXB Đại học sư phạm</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bùi Minh Hiền- Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên) (2019), <i>Quản lý và lãnh đạo nhà trường</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), <i>Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>

19	1GDC11	Quản trị nguồn lực trong giáo dục, 3 TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như: Những vấn đề chung về nguồn lực và quản trị nguồn lực trong giáo dục; Quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục; Quản trị cơ sở vật chất, tài chính trong giáo dục.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học viên vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình quản trị nguồn nhân lực, vật lực và tài lực trong giáo dục; có khả năng đầu tư, phát triển nguồn lực giáo dục ở cơ sở mình phụ trách.</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Trần Kim Dung (2021), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, NXB Tài Chính, TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Anh Tài (2017), <i>Quản trị học</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2020), <i>Quản lí và lãnh đạo nhà trường</i>, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.</p>
20	1GDC06	Ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường, 3TC	<p>Nội dung chuyên đề: Chuyên đề trang bị cho người học những vấn đề cơ bản, hệ thống, chuyên sâu về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường; hiểu đúng và đầy đủ các yêu cầu của ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường; các bước của lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường; tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm tra đánh giá kế hoạch ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường nhằm thực hiện chuyển đổi số trong quản trị nhà trường.</p>	<p>Giáo trình/tài liệu tham khảo bắt buộc</p> <p>1. Trần Kiểm, Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục NXB ĐHSP, Hà Nội 2012</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Khánh Đức (2009), <i>Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21</i>, NXB giáo dục Việt Nam</p>

			<p><i>Năng lực cần đạt được: thực hiện các nguyên tắc, qui trình ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường; kế hoạch ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường và tổ chức thực hiện.</i></p>	
21	1GDC12	<p>Quản lý giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường, 3TC</p>	<p>- Nội dung chuyên đề: Những nội dung cơ bản về giáo dục giá trị, giáo dục kỹ năng sống: khái niệm về giá trị, giá trị sống và kỹ năng sống; các loại giá trị và kỹ năng sống; các phương pháp, con đường giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống. Từ đó giúp người học có được nền tảng lý luận để quản lý công tác giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường, góp phần giáo dục toàn diện cho người học.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học viên xác định được tầm quan trọng của giáo dục giá trị sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường; Có khả năng thiết kế nội dung, các con đường giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống; Quản lý và thực hiện giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường.</p>	<p>Giáo trình/tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Nguyễn Thanh Bình – Lê Thị Thu Hà - Đỗ Khánh Năm – Nguyễn Quỳnh Phương (2017), <i>Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên) (2017), <i>Phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông theo tiếp cận giá trị và kỹ năng sống</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Nguyễn Công Khanh (2019), <i>Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p>
22	1QGLV1	<p>Luận văn tốt nghiệp, 15TC</p>	<p>Nội dung học phân: Học phân gồm 3 chương,</p>	

		<p>chương 1: Cơ sở lý luận; chương 2: Cơ sở thực tiễn; chương 3: Đề xuất các biện pháp quản lý</p> <p>Năng lực đạt được: Thiết kế được các các nguyên lý, qui trình, mô hình lý thuyết mới trong quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục; viết, trình bày báo cáo luận văn và báo cáo tóm tắt luận văn</p>	
--	--	---	--

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất	
Học kỳ 1 (số TC 14)	Học kỳ 2 (số TC 15)
<p>Kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triết học - Tiếng Anh - Ứng dụng Tâm lý học trong quản lý giáo dục - Khoa học tổ chức quản lý 	<p>Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành</p> <p>Học phần bắt buộc (9TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục - Quản lý xây dựng văn hóa nhà trường - Tiếp cận hiện đại và quản lý sự thay đổi trong giáo dục - Quản lý xây dựng văn hóa nhà trường <p>Chọn 2/6 học phần (06TC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tế chuyên môn - Tình huống trong QLGD - Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục - Dự báo giáo dục - Phát triển chương trình giáo dục - Quản trị và phát triển công tác XHH giáo dục
Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (số TC 16)	Học kỳ 2 (số TC 15)

<p>Kiến thức chuyên ngành</p> <p>Chọn 1/2 học phần sau (04TC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh tra, kiểm tra trong giáo dục - Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong nhà trường <p>Chuyên đề nghiên cứu bắt buộc (06 TC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị nhà trường - Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường <p>Chọn 2/4 chuyên đề sau (06TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục - Quản trị nguồn lực trong giáo dục - Ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường - Quản lý giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống 	<p>- Luận văn tốt nghiệp</p>
---	-------------------------------------

3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

Tên HP	Chuẩn đầu ra CTĐT							
	Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PO3	PLO4	PLO5	PO6	PLO7	PLO8
Triết học	✓							
Tiếng Anh						✓		
Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục	✓			✓	✓		✓	✓
Khoa học tổ chức và quản lý		✓	✓	✓	✓		✓	
Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thực tế chuyên môn		✓	✓	✓	✓		✓	
Tinh huần trong giáo dục		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Quản trị và phát triển công tác XHH giáo dục								

Dự báo giáo dục		✓	✓		✓			✓
Phát triển CTGD		✓	✓	✓			✓	✓
Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Tiếp cận hiện đại và Quản lý sự thay đổi trong giáo dục		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Quản lý xây dựng văn hoá nhà trường		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Thanh tra, kiểm tra trong giáo dục		✓	✓		✓	✓	✓	✓
Quản trị cơ sở vật chất và thiết bị và công nghệ trong nhà trường		✓	✓		✓	✓	✓	✓
Quản trị nhà trường		✓	✓		✓	✓	✓	✓
Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	✓	✓		✓	✓	✓	✓	
Quản trị hoạt động NCKH ở các cơ sở giáo dục		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Quản trị nguồn lực tổng giáo dục		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường		✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Quản lý giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường		✓	✓	✓	✓		✓	✓
Luận văn tốt nghiệp	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024.

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS Bùi Văn Dũng

LÃNH ĐẠO KHOA TÂM LÝ - GIÁO DỤC

PGS. TS Nguyễn Thị Hà Lan